

CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY
Số: 13.../KTT/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 08 tháng 5 năm 2024



**GIẤY ĐĂNG KÝ
NỘP BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm và Nghị định 115/2018/ND-CP ngày 4/9/2018 về quy định xử phạt hành chính về ATTP.

Nay Công ty TNHH Kim Thiên Thủy kính đề nghị được nộp về Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa bản Tự công bố đối với sản phẩm:

TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG

Hồ sơ gồm có:

- Bản tự công bố sản phẩm
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm
- Nội dung dự thảo ghi nhãn sản phẩm.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với tính pháp lý, an toàn chất lượng đối với sản phẩm công bố.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ!

Xin chân thành cảm ơn.

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



TRẦN PHAN HOÀNG SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13..../KTT/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**

Địa chỉ trụ sở: Phòng số 32 - tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh..

Điện thoại: 028 62879133

Email: kimthienthuycompany@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0312886305

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG

2. Thành phần: Tổ yến (100%)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in rõ trên vỏ bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trong túi PET/AL/PEDP, bên ngoài bằng hộp giấy Carton, bao bì sạch đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

- **Khối lượng tịnh:** 3g/ túi, 4g/ túi, 5g/ túi, 1 túi/ hộp, 2 túi/ hộp, 10 túi/hộp, 20 túi/ hộp hoặc định lượng khác theo yêu cầu của khách hàng và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Sản xuất tại: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KIM THIÊN THỦY – CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**

- Địa chỉ sản xuất: Lô B3 - Cụm Công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Xuất xứ: Việt Nam

- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 18/GCNATTP-SCT cấp ngày 09/03/2023,

Nơi cấp: Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).



- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018 số: FSMS.006.3.21, do Trung tâm Chất lượng Nông Lâm Thủy sản Vùng 3 cấp ngày 20/12/2021 có hiệu lực đến 20/12/2024.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm hoá học và sinh học
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 08 tháng 5 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



TRẦN PHAN HOÀNG SINH



DỰ THẢO NHÃN
TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG



	Thông tin
Tên sản phẩm	TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG
Thành phần	Tổ yến (100%)
Định lượng	3g/ túi, 4g/ túi, 5g/ túi, 1 túi/ hộp, 2 túi/ hộp, 10 túi/hộp, 20 túi/ hộp hoặc định lượng khác theo yêu cầu của khách hàng và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.
Hướng dẫn sử dụng	Cho 1 gói Tổ yến ăn liền vào chén, Cho vừa đủ 150 ml nước đun sôi (100°C). Đậy nắp kín trong 5 phút, mở nắp, khuấy đều và thưởng thức.
Hướng dẫn bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Thông tin cảnh báo	Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng, hoặc bao bì không nguyên vẹn. Sử dụng liền ngay sau khi mở gói sản phẩm.
NSX HSD	NSX: in trên bao bì. HSD: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
Xuất xứ	Việt Nam
Thương nhân chịu trách nhiệm	Công ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Phòng số 32- tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Nơi sản xuất	Sản xuất tại: Nhà Máy Chế Biến Thực Phẩm Kim Thiên Thủy- Chi Nhánh Công Ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Lô B3 - Cụm Công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.




Mã số mẫu/ Sample code BN32404.17135314 MM32404.171353141	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 02/05/2024
---	---	--



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
 Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG**
 Số lượng/ Quantity : 1
 Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/04/2024
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 27/04/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	ISO 7932:2004/Amd 1:2020 (*)
2	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	ISO 7937:2004 (*)
3	Coliforms	CFU/g	< 10	ISO 4832:2006 (*)
4	Escherichia coli	CFU/g	< 10	ISO 16649-2:2001 (*)
5	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
6	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	ISO 6888-1:2021 (*)
7	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/g	< 10	ISO 21527-2:2008 (*)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	< 10	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
 Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
 According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/ Officer in charge of laboratory : **TU. GIAM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG / HEAD OF DIVISION

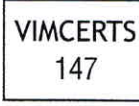

TS. Trương Huỳnh Anh Vũ

Số chứng nhận: **0001406** Quyền số: **03CT/86**
 Ngày: **08-05-2024** năm 20**24**


Trần Đình Hiệp

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
 2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
 3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
 No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

Nguyễn Trường Thọ

TRỤ SỞ CHÍNH: [☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM [☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ [☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 [☎] 18001105 [☎] (84.292) 3918217 - 3918 218 [☎] (84.258) 246 5255
 [☎] (84.28) 3911 7216 [☎] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucancho@case.vn ; [☎] (84.258) 246 5355
 [☎] casehcm@case.vn [☎] ketoancantho@case.vn [☎] vanphongmienvietnam@case.vn
 [☎] case.com.vn



Mã số mẫu/ Sample code BN32404.17135314 MM32404.171353143	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 02/05/2024
---	---	--

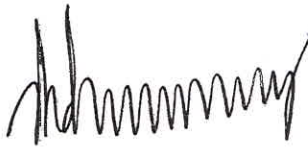
Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ẼN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG**
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/04/2024
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 27/04/2024

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	4-Hydroxyproline	mg/100g	300	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
2	Acid Amin	mg/100g	Xem đính kèm	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012) (*)
3	Tổng Cystine và Cysteine	mg/100g	1182	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012) (*)
4	Tryptophan	mg/100g	639	CASE.SK.0184 (Ref. AOAC 988.15) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/ Officer in charge of laboratory : **TRẦN ĐÌNH HIỆP / PER PRO. DIRECTOR**
Số chứng thực: 00014C Quyền số: **TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**

Ngày 08.05.2024 năm 20.....



Th.S. Nguyễn Thành Duy



Trần Đình Hiệp

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH: (☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM (☎) 18001105 (📍) (84.28) 3911 7216 (📧) casehcm@case.vn
CN CÁN THO: (☎) F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ (☎) (84.292) 3918217 - 3918 218 (📧) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ; ketoancanthon@case.vn (🌐) case.com.vn
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG: (☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa (☎) (84.258) 246 5255 (📍) (84.258) 246 5355 (📧) vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT
BN32404.17135314/ MM32404.171353143

STT No.	Nhóm Group	Chỉ tiêu kiểm nghiệm Parameters	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Phương pháp Method
1	Acid amin	Alanine	1399,92	mg/100g	CASE.SK.0183 (Ref. TCVN 8764:2012)
2		Arginine	3328,93		
3		Aspartic acid	4381,13		
4		Glutamic acid	3326,99		
5		Glycine	1682,19		
6		Histidine	1639,31		
7		Isoleucine	1320,82		
8		Leucine	3137,91		
9		Lysine	2113,54		
10		Methionine	264,49		
11		Phenylalanine	2922,98		
12		Proline	3223,03		
13		Serine	3416,43		
14		Threonine	3042,49		
15		Tyrosine	2468,35		
16		Valine	3274,37		
Tổng/Sum			40942,88		

---KẾT THÚC/FINISH---

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ / THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

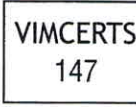
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE /
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(☎) 18001105
(☎) (84.28) 3911 7216
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(9) F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918217 - 3918 218
(✉) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
(☎) case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(9) STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 246 5255
(☎) (84.258) 246 5355
(✉) vanphongmien trung@case.vn



Mã số mẫu/ Sample code BN32404.17135314 MM32404.171353142	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 02/05/2024
---	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ĂN LIỀN MS KHÔNG ĐƯỜNG**
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/04/2024
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 27/04/2024

SFT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Cd	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*)
2	Hg	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0141 (2018) (Ref. EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*)
3	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,05	CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*)
4	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2022) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CÁN THO
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
[☎] case.com.vn

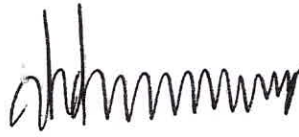
VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
5	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (2022) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory



Th.S. Nguyễn Thành Duy

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Số chứng thực: 0001470 Quyền số:

Ngày: 08.05.2024 năm 20.....

ĐƠN VỊ TÍCH TRÚNG XÃ VINH N



Nguyễn Trường Thọ

TU. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG / HEAD OF DIVISION



Trần Đình Hiệp



1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRU SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CÁN THO
[☎] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucancho@case.vn ;
ketoancancho@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmienntrung@case.vn